

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI 1 TRACO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 254/CBTT-TR1

Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

I. Thông tin chung:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco
 - Mã chứng khoán: TR1
 - Trụ sở chính: Số 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
 - Điện thoại: 0225.3822440
 - Người thực hiện công bố thông tin: Đỗ Thị Bích Thủy
- Loại thông tin công bố: ☒ bất thường 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ định kỳ ☐ theo yêu cầu

II. Nội dung thông tin công bố:

- Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là: 0%.

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

Cổ phần Vận tải 1 Traco ngày 08/07/2026 tại địa chỉ: <https://traco.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- VP, TKCT;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO



CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Thị Bích Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI 1 TRACO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 223/TR1-CV

Hải Phòng, ngày 24 tháng 06 năm 2026

**THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA
TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Chúng tôi là: Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

Mã chứng khoán: TR1

Website: <https://traco.vn>

Địa chỉ liên lạc: Số 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3822329

Fax: 0225.3745679

Email: Traco@hn.vnn.vn

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là: 0%

Lý do: Công ty thực hiện trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo khoản 2 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
1	2920	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc. Chi tiết: Sản xuất container vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải; Sản xuất, cải tạo rơ moóc và bán rơ moóc.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
2	2930	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
3	5229 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hoá, khai thuê hải quan; Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; Hoạt động đóng gói liên quan đến vận tải; Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm dịch vụ vận chuyển	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành. nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		hàng không và kinh doanh hàng không chung).				
4	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
5	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi.	49%	Không quy định	50%	Không quy định
6	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	49%	49%	50%	Không quy định
7	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát, đá ốp lát và	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí.				
8	7912	Điều hành tua du lịch.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
9	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
10	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phân bón.	100%	Không quy định	50%	Không quy định
11	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.	0%	0%	0%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
12	4932	Vận tải hành khách đường bộ. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.	49%	Không quy định	50%	Không quy định
13	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	49%	51%	50%	Không quy định
14	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	100%	Không quy định	50%	Không quy định
15	5224	Bốc xếp hàng hóa.	50%	50%	50%	Không quy định
16	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá.	Không quy định	Không quy định	0%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
17	4542	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
18	5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa.	49%	Không quy định	50%	Không quy định
19	5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương.	49%	Không quy định	50%	Không quy định
20	5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.	49%	Không quy định	50%	Không quy định
21	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.	0%	0%	0%	Không quy định
22	4632	Bán buôn thực phẩm.	0%	0%	0%	Không quy định
23	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê Văn phòng.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
24	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
25	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar).	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
26	7911	Đại lý du lịch.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
27	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
28	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
29	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
30	2513	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
31	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
32	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
33	2816	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
34	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy.	50%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
35	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa, container.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
36	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công	100%	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		ngành, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, sân golf.				
37	8531	Đào tạo sơ cấp.	100%	Không quy định	50%	Không quy định
38	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
39	8532	Đào tạo trung cấp.	100%	Không quy định	50%	Không quy định
40	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	100%	Không quy định	50%	Không quy định
41	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.	100%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
42	8533	Đào tạo cao đẳng.	100%	Không quy định	50%	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
43	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
44	4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
45	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế máy móc, thiết bị nâng hạ, bốc xếp hàng hoá; Thiết kế máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
46	4101	Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Xây dựng khu nghỉ dưỡng.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
47	4102	Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng trường học.	Không quy định	Không quy định	50%	Không quy định
48	7710	Cho thuê xe có động cơ.	51%	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
49	7990	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	100%	Không quy định	0%	Không quy định
50	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm).	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là 0%						

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200380768 cấp lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2000, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 09 tháng 06 năm 2022;

- Đường link thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:
<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inff/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=12f3c>

(tìm Doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0200380768)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Thị Bích Châu